TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NINH BÌNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Bản án số: 22/2017/HNGĐ- ST Ngày: 18/10/2017. *V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Sâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Tú

2. Bà Nguyễn Thị Tươi.

- Thư ký phiên toà: Bà Giang Thị Thúy Thu - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Minh Nguyệt, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2017/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXX - ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2017/QĐST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Phạm Thị Huyền T**, sinh năm 1993; Nơi ĐKNKTT: Thôn P, xã N, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; Nơi ở hiện nay: Thôn L, Đội 3, xã G, huyện GV, tỉnh Ninh Bình (Có mặt).

2. Bị đơn: **Anh Bùi Đình B**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai chị Phạm Thị Huyền T trình bày: Chị kết hôn với anh Bùi Đình B ngày 22/7/2011, có được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện GV, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng với bà ngoại anh B ở thôn P, xã N, thành phố NB, cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh B rượu chè, chơi bời cờ bạc, không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con, chị góp ý thì anh B còn đánh đập chị, đe dọa nhà bố mẹ chị. Từ tháng 5 năm 2014 chị cho

con về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã G, huyện GV sinh sống và đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó vợ chồng ly thân, không còn quan hệ tình cảm với nhau. Năm 2015 khi chị đang ở Đài Loan thì anh B lên ngoại đón con về nuôi. Tháng 6 năm 2017 chị về nước và lại đón con về nhà ngoại sinh sống, thi thoảng anh B lên nhà chị gây sự đánh chị đòi ly hôn, chia tài sản và bắt chị viết đơn ly hôn. Sau một thời gian suy nghĩ chị và anh B đã gặp gỡ bàn bạc và cùng xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đã làm đơn xin thuận tình ly hôn. Ngày 03/7/2017 khi chị mang đơn xin thuận tình ly hôn có chữ ký của hai vợ chồng lên UBND xã N, thành phố NB để xin xác nhận vào đơn, cán bộ tư pháp xem đơn và yêu cầu chị nếu vợ chồng thuận tình ly hôn thì phải có mặt hai vợ chồng để ký đơn chứ không được ký trước, do vậy chị đã gọi điện thoại cho anh B lên UBND xã N, thành phố NB có sự chứng kiến của cán bộ tư pháp chị đã viết lại đơn xin thuận tình ly hôn sau đó chị và anh B đã cùng ký vào đơn và được UBND xã N, thành phố NB xác nhận vào đơn cho chị. Khi chị và anh B làm đơn xin thuận tình ly hôn và khi chị nộp đơn ly hôn tại Tòa án thì anh B ở cùng với bà ngoại tại thôn P, xã N, thành phố NB, anh B bảo chị cứ nộp đơn ly hôn khi nào Tòa án báo gọi thì anh sẽ lên Tòa án làm việc. Ngày 12/7/2017 khi Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án cho chị, chị đã gọi điện cho anh B lên Tòa án để giải quyết ly hôn thì anh B nói chị cứ lên Tòa án trước anh B đang bận mai sẽ lên Tòa án sau. Sáng ngày 13/7/2017 chị có gọi điện cho anh B hỏi đã lên Tòa án chưa thì anh B nói đang trên đường vào Sài Gòn, chị bảo anh B quay lại để giải quyết việc ly hôn cho song đi thì anh B nói không quay lại và bảo chị cứ theo đơn thuận tình ly hôn anh đã ký mà đề nghị Tòa án giải quyết, anh còn phải đi làm ăn. Chiều ngày 13/7/2017 chị xuống nhà bà ngoại anh B hỏi thì được biết anh B đã đi vào Sài Gòn làm ăn từ sáng, còn địa chỉ cụ thể ở đâu gia đình cũng không biết. Khoảng một tuần sau chị có cho con về chơi với bà ngoại anh B thì gia đình có nói là khi anh B vào tới Sài Gòn có điện về nói là đến giỗ mẹ anh B hoặc đến tết mới về. Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh B không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh B ly hôn để giải phóng cho nhau. Việc anh B đi không thông báo nơi cư trú mới cho chị biết là cố tình giấu địa chỉ gây khó khăn cho chị. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn vắng mặt anh B và không đề nghị Tòa án hòa giải.

Về con chung: Chị và anh B có một con chung là cháu Bùi G sinh ngày 27/02/2013, hiện nay cháu đang ở với chị, khi ly hôn chị xin được chăm sóc nuôi dưỡng cháu G, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin thuận tình ly hôn ngày 03/7/2017 có xác nhận của UBND xã N, thành phố NB chị Phạm Thị Huyền T và anh Bùi Đình B trình bày: anh chị kết hôn với nhau vào ngày 22/11/2011, có đăng ký hết hôn tại UBND xã G, huyện GV, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng sống hạnh phúc đến ngày 28/9/2012 thì phát sinh mâu thuẫn do anh B cờ bạc rượu

chè, đánh đập vợ, không tu chí làm ăn, ngoại tình, đe dọa nhà vợ. Anh chị thống nhất thuận tình ly hôn. Về con chung có một con chung là cháu Bùi G, sinh ngày 27/02/2013, sau khi ly hôn chị T chịu trách nhiệm nuôi con. Về đóng góp nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận. Về tài sản chung không có. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho anh Bùi Đình B song anh B không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập, thông báo đến Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên toà chị Phạm Thị Huyền T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Đình B và xin được chăm sóc nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc tham gia tố tụng của anh Bùi Đình B: Chính quyền địa phương và gia đình anh B cung cấp: Anh B ở cùng với bà ngoại ở thôn P, xã N, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình. Ngày 03/7/2017 vợ chồng anh B, chị T có đến Ủy ban nhân dân xã N, thành phố NB xin xác nhận vào đơn xin thuận tình ly hôn sau đó anh B đi Sài Gòn làm ăn nhưng không thông báo địa chỉ cụ thể cho ai biết . Tòa án nhiều lần triệu tập, thông báo cho anh B đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh B không đến và cũng không thông báo cho chị T và Tòa án biết về nơi cư trú mới là cố tình giấu địa chỉ. Để đảm bảo quyền lợi cho anh B Toà án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai theo quy định của pháp luật và tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS và Nghị quyết số 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Huyền T và anh Bùi Đình B kết hôn với nhau ngày 22/7/2011 tại UBND xã G, huyện GV, tỉnh Ninh Bình. Việc kết hôn của chị T và anh B là tự nguyện, hợp pháp đúng theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống cùng với bà ngoại anh B ở thôn P, xã N, thành phố NB, cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh B rượu chè, chơi bời cờ bạc, không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con, chị T góp ý thì anh B còn đánh đập. Từ tháng 5 năm 2014 đến nay chị T cho con về nhà bố mẹ đẻ ở xã G, huyện GV, tỉnh Ninh Bình sinh sống và

đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng ly thân, không còn quan hệ tình cảm với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh B sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không cải thiện được kể cả khi chị T đi xuất khẩu lao động về nước, hai bên đã có đơn xin thuận tình ly hôn, song quá trình giải quyết vụ án anh B vắng mặt, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, cho chị Phạm Thị Huyền T được ly hôn anh Bùi Đình B là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị T và anh B có một con chung là cháu Bùi G, sinh ngày 27/02/2013. Khi ly hôn chị T xin được chăm sóc nuôi dưỡng cháu G. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu G đang ở với chị T , anh B đi làm ăn xa không có điều kiện chăm sóc cho cháu, trong đơn xin thuận tình ly hôn hai bên cũng thỏa thuận để cháu G cho chị T nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu G, nên giao cháu G cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về mức cấp dưỡng cho con: Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Chị Phạm Thị Huyền T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

- Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên toà đều đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Chị T chấp hành đúng các quy định của pháp luật; anh B không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã làm đầy đủ các thủ tục niêm yết bảo vệ quyền lợi cho anh B theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH; Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Huyền T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Bùi Đình B; Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị Huyền T với anh Bùi Đình B; Về con chung: Giao cháu Bùi G, sinh ngày 27/02/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi, anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con; Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị

T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn là 300.000đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Huyền T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" đối với anh Bùi Đình B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Huyền T ly hôn anh Bùi Đình B.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi G, sinh ngày 27/02/2013 cho chị Phạm Thị Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu kể từ tháng 10 năm 2017 cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí ly hôn: Chị Phạm Thị Huyền T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0000558 ngày 06/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

Án xử sơ thẩm công khai chị Phạm Thị Huyền T có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 18/10/2017; anh Bùi Đình B vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND - TPNB;
- Chi cục THA - TPNB;
- UBND xã G, huyện GV;
- UBND xã N, TPNB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn./.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

Trần Thị Sâm

Các hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
Lê Văn Tú	**Nguyễn Thị Tươi**	**Trần Thị Sâm**